

Số: 03/QĐ-THQT

Đông Triều, ngày 03 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách đầu năm 2025**  
**của trường TH Quyết Thắng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH QUYẾT THẮNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều "Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025";

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2025 của trường TH Quyết Thắng (đính kèm dự toán thu - chi bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025 – Biểu số 02)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- L- u.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Thu**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG TH QUYẾT THẮNG

Chương: 622-070-072

**DỰ TOÁN THU, CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THQT ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường TH Quyết Thắng)

Đvt: đồng

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán được giao |
|-------|------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                              | 3                 |
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    | 0                 |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                             |                   |
| 1.1   | Lệ phí                                         |                   |
| 1.2   | Phí                                            | 0                 |
|       | Học phí                                        | 0                 |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |
| 2.1   | Chi sự nghiệp                                  |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 2.2   | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 3     | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                   |
| 3.1   | Lệ phí                                         |                   |
| 3.2   | Phí                                            |                   |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 9.640.765.000     |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                            |                   |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |                   |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      | 9.640.765.000     |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 9.565.379.000     |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 75.386.000        |